



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 453/2022/CV-TTB
V/v Cập nhật Quy chế CBTT

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 12 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;
Quý cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Tiên Bộ (TTB).

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ**

Mã chứng khoán: **TTB**

Trụ sở chính: Tổ 05, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0208 3 75 66 99

Email: Chungcutienbo@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Phùng Văn Thái** – Tổng giám đốc

Địa chỉ: Tổ 05, Phường Quang Vinh, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0917 387 222

Cơ quan: 0208 3 75 66 99

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Bộ cập nhật bản Quy chế Công bố thông tin của TTB.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/12/2022 tại mục Quan hệ cổ đông theo đường dẫn: <https://tienbo.vn/category/quan-he-co-dong/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phùng Văn Thái

Tài liệu đính kèm: - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐQT của HĐQT ngày 27/12/2022;
- Quy chế Công bố thông tin của TTB.

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ
Số: 08/2022/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Thái Nguyên, ngày 27 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ vào Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ vào Quyết định số 21/QĐ-SGDVN của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ngày 21/12/2021 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Công ty con;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ (TTB);
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ ngày 27/12/2022;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc cập nhật bản Quy chế Công bố thông tin của TTB.
(Bản Quy chế kèm theo)

Điều 2: Ủy quyền và giao cho ông Phùng Văn Thái – Tổng giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các bước tiếp theo để triển khai Quy chế đúng quy định.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông bà thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phùng Văn Bộ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ**



Thái Nguyên, tháng 12 năm 2022

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán năm 2019 (“Luật Chứng khoán”) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 96”);
- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ngày 21/12/2021 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Công ty con (“Quy chế CBTT của SGDCCKVN”);
- Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ (“Công ty”).

I. MỤC ĐÍCH CỦA QUY CHẾ

Quy chế công bố thông tin này (“Quy chế”) Đảm bảo tuân thủ theo chuẩn mực công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với Công ty niêm yết và các nhà đầu tư được quy định trong: Thông tư 96, Quy chế CBTT của SGDCCKVN và Các quy định khác của pháp luật Việt Nam liên quan đến việc công bố thông tin có hiệu lực vào từng thời điểm.

II. ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Quy chế này được áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

1. Công ty
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin (Sau đây gọi chung là “Người nội bộ”) và người có liên quan của Người nội bộ.
3. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
4. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên hoặc bán đi và sở hữu dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
5. Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

(“Người có liên quan” có nghĩa là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán)

III. CHỮ VIẾT TẮT TRONG QUY CHẾ

UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
TCTLKCK:	Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
SGDCCK:	Sở Giao dịch Chứng khoán

HDQT:	Hội đồng Quản trị
CBTT:	Công bố thông tin
BTGD:	Ban Tổng Giám đốc
BCTC:	Báo cáo tài chính

IV. NỘI DUNG QUY CHẾ

1. Nguyên tắc công bố thông tin

1.1 Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

1.2 Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

1.3 Các đối tượng khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGĐCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại mục 1.1 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGĐCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGĐCK thực hiện công khai thông tin.

1.4 Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

1.5 Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm.

2. Ngôn ngữ thực hiện CBTT

2.1 Ngôn ngữ thực hiện CBTT là tiếng Việt.

2.2 Đối với thông tin công bố bằng tiếng Anh, nội dung CBTT bằng tiếng Anh phải đảm bảo thống nhất với nội dung CBTT bằng tiếng Việt đã công bố, trong đó nội dung tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo. Khuyến khích các đối tượng thực hiện thêm CBTT bằng tiếng Anh.

3. Người thực hiện CBTT của Công ty

3.1 Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT của Công ty chịu trách nhiệm CBTT theo quy định.

3.2 Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của BTGD có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của BTGD phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT;

3.3 Tổ chức phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.

4. Tài liệu công bố thông tin

4.1 Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản giấy:

a) Văn bản giấy phải đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định của pháp luật. Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ.

b) Yêu cầu đối với văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản giấy của cá nhân: Văn bản có họ tên, chữ ký của cá nhân;

- Đối với văn bản giấy của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm: chức vụ, họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu.

4.2 Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản, dữ liệu điện tử:

Các đối tượng CBTT gửi thông tin công bố dưới dạng; văn bản, dữ liệu điện tử đến SGDCK nơi có nghĩa vụ CBTT đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử và các hướng dẫn sau:

Văn bản, dữ liệu điện tử có định dạng doc/docx/xls/xlsx/pdf (sử dụng bảng mã Unicode);

5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

5.1 Các phương tiện báo cáo, CBTT bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;

b) Hệ thống CBTT của UBCKNN;

c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK;

d) Trang thông tin điện tử của TCTLKCK;

đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

5.2 Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên phương tiện quy định tại điểm a mục 5.1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

5.3 Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

5.4 Người CBTT và các cá nhân/bộ phận được phân công thực hiện CBTT của Công ty phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin về: tên truy cập, mật khẩu và các thông tin cần thiết khác để đăng nhập thực hiện CBTT. Các thông tin được cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng thông qua hình thức như: bài viết, phỏng vấn,... liên quan đến nội dung được CBTT phải là thông tin đã được BTGD phê duyệt.

6. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

6.1 Công ty thực hiện chế độ báo cáo và CBTT trong các trường hợp sau:

- CBTT định kỳ theo quy định tại Mục I – Phụ lục 1 đính kèm quy chế này.
- CBTT bất thường theo quy định tại Mục II – Phụ lục 1 đính kèm quy chế này.
- CBTT theo yêu cầu theo quy định tại Mục III – Phụ lục 1 đính kèm quy chế này.
- CBTT về các hoạt động khác của công ty đại chúng theo quy định tại Mục IV –

Phụ lục 1 đính kèm quy chế này.

6.2 CBTT của các đối tượng khác theo quy định tại Phụ lục 2 đính kèm quy chế này.

7. Quy trình công bố thông tin

Quy trình CBTT của Công ty được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Cung cấp thông tin

- Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các bộ phận liên quan thuộc Công ty phải ngay lập tức gửi thông tin đến Người CBTT hoặc Phòng ban phụ trách việc CBTT theo đúng thời gian quy định cho từng loại thông tin cần phải công bố;

- Các bộ phận, cá nhân có liên quan phải thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu CBTT cho UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK và CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Bước 2: Xử lý thông tin

- Khi nhận được thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, Người CBTT hoặc phòng ban phụ trách CBTT thực hiện theo trình tự:

- + Kiểm tra thông tin;
- + Đối chiếu với các quy định về CBTT;
- + Soạn thảo văn bản CBTT theo quy định của pháp luật.

Bước 3: Trình BTGD phê duyệt

- Phòng phụ trách CBTT trình BTGD Công ty xem xét, phê duyệt nội dung CBTT.
- Sau khi nội dung thông tin đã được phê duyệt, Người CBTT thực hiện Công bố theo quy định.

Bước 4: Báo cáo và CBTT

- Người CBTT gửi văn bản CBTT đến UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK, đăng tải nội dung CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty theo đúng yêu cầu về nội dung và thời gian đối với từng loại CBTT định kỳ hoặc bất thường hoặc theo yêu cầu;

- Các bộ phận liên quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra ngay và thông báo cho người CBTT nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời điều chỉnh.

Bước 5: Bảo quản và lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi đã thực hiện Báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ tại Công ty theo quy định của pháp luật để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết.

8. Tạm hoãn công bố thông tin

8.1 Đối tượng CBTT được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng CBTT phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

8.2 Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

9. Trách nhiệm của người công bố thông tin

- Người CBTT là đầu mối thu thập thông tin và thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty theo quy định tại quy chế này.

- Người CBTT có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- + Trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, mãn cán, có kiến thức về CBTT và tin học;
- + Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

10. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ phận, cá nhân liên quan

- Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đơn đốc các thành phần liên quan cung cấp thông tin theo nội dung quy chế này.

- Trưởng các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người CBTT.

11. Hiệu lực của Quy chế

11.1 Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày HĐQT thông qua.

11.2 Chủ tịch HĐQT của Công ty có quyền sửa đổi, Bổ sung Quy định này nhằm phù hợp với nhu cầu thực tế về công tác CBTT, hoặc cập nhật các thay đổi của pháp luật để sửa đổi hoặc bổ sung tương ứng nội dung Quy chế này cho phù hợp; Nếu có sự mâu thuẫn giữa các Quy định trong quy chế này và các quy định của pháp luật (được sửa đổi theo từng thời kỳ), các quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng;

11.3 BTGD, các cổ đông liên quan, các phòng ban, cán bộ công nhân viên trong Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc quy chế này;

11.4 Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn hoặc vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Công ty để được hướng dẫn giải quyết.

11.5 Bất cứ vấn đề nào liên quan Công tác CBTT của Công ty không được cung cấp trong Quy chế này sẽ được quy định bởi pháp luật liên quan của Việt Nam về nghĩa vụ CBTT, Quy chế CBTT của SGDCK và các văn bản pháp luật liên quan.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Phùng Văn Bộ

PHỤ LỤC 1
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY
(Đính kèm Quy chế Công bố thông tin của Công ty)

I. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ			
STT	Nội dung công bố	Nơi đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT
1	Báo cáo tài chính (“BCTC”) năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	Công ty công bố báo cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. - Công bố báo cáo trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. - Trường hợp công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.
2	BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	- Công ty công bố BCTC quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý. - Trường hợp công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý. - Trường hợp công ty đã thực hiện công bố BCTC đã được soát xét trong thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý.
3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có)	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	

4	Báo cáo thường niên	UBCKNN, SGDCK, website Công ty	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm đã được kiểm toán.
5	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	UBCKNN, SGDCK, website Công ty	- Về việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu họp: Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. - Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết: Trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết.
6	Báo cáo tình hình quản trị công ty	UBCKNN, SGDCK, website Công ty	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.
7	Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty	SGDCK	- Báo cáo sáu (06) tháng đầu năm: chậm nhất là ngày 30/07. - Báo cáo năm: chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.
II. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẮT THƯỜNG			
STT	Nội dung công bố	Nơi đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này	UBCKNN, SGDCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
2	Khi nhân được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi	UBCKNN, SGDCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện

	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.		
3	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện

	thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty		
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện

11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho UBCKNN, SGDCCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào BCTC hợp nhất.	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
15	Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
16	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện

	phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó		
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
19	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ)	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
21	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
22	Họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - CBTT về việc họp ĐHĐCĐ bất thường và tài liệu họp: Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp. - CBTT Biên bản, nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường: 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
23	Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - CBTT về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và tài liệu lấy ý kiến: Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. - CBTT Biên bản kiểm phiếu, nghị quyết ĐHĐCĐ: 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

24	Ngày Đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	- Trường hợp để tham dự Đại hội đồng cổ đông: tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. - Các trường hợp khác: tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
25	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố. Công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	Trong thời hạn CBTT BCTC năm/bán niên/quý quy định tại Mục I.1, I.2, I.3 nêu trên
26	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới
27	Công ty đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký mô hình công ty, loại BCTC CBTT khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký thay đổi mô hình công ty, loại BCTC do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định tại điểm e hoặc điểm h khoản 1 Điều 11 Thông tư 96	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
III. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU			
STT	Nội dung công bố	Nơi đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCCK
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	UBCKNN, SGDCCK, website Công ty	24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCCK

Lưu ý: Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

IV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

STT	Nội dung công bố	Nơi đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT
1	Về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	UBCKNN, SGDCK, website Công ty	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.
2	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	UBCKNN, SGDCK, website Công ty	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam
3	Về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	UBCKNN, SGDCK, website Công ty	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

PHỤ LỤC II
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC
(Đính kèm Quy chế Công bố thông tin của Công ty)

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÓM NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA CÔNG TY			
I.	STT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT
	1	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của công ty	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan
	2	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (Áp dụng đối với Cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của công ty)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch
	3	Công ty CBTT về các nội dung tại mục 1,2 nêu trên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ			
II.	STT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT
	1	Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc

	gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)		
2	Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ hoàn tất giao dịch tại khoản 1 nêu trên đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)	UBCKNN, SGDCK, Công ty	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch
3	Công ty CBTT khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan tại mục 1, 2 nêu trên	Website Công ty	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan tại mục 1, 2 nêu trên
III. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI			
STT	Nội dung công bố	Nơi đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT
1	Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua công khai của tổ chức, cá nhân	Website Công ty	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai
2	HDQT công ty CBTT cho cổ đông, nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của công ty về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai của tổ chức, cá nhân; đồng thời báo cáo UBCKNN. Đánh giá, khuyến nghị của HDQT công ty đối với việc chào mua công khai cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp một hoặc một số thành viên HDQT có ý kiến khác, HDQT phải công bố kèm theo các ý kiến này	Website Công ty	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai